|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CÔNG TY TNHH ELECTRONIC TRIPOD VIỆT NAM (BIÊN HÒA) ---oOo--- Số: «CODE» |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc  ------------------- |

## HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG *LABOR CONTRACT*

Ban hành theo Bộ luật Lao động Năm 2019, được Quốc hội khóa XIV   
thông qua ngày 20/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.  
*Issued under the 2019 Labor Code, passed by the   
14th National Assembly on 20 Nov 2019 and effective from 1 Jan 2021.*

Chúng tôi, một bên là: **«Tên\_công\_ty»***We are, from one side:* ***«Tên\_công\_tyTiếng\_anh»***

Địa chỉ: «Địa\_chỉ\_công\_ty»  
*Address: «Tên\_công\_tyTiếng\_anh»*

Đại diện:Ông «Tên\_người\_đại\_diện» *Representiative:*

Chức vụ/ *Position:* «Chức\_vụ\_người\_đại\_diện»/ *«Chức\_vụ\_người\_đại\_diện\_tiếng\_anh»*

Quốc tịch/ *Nationality:* «Quốc\_tịch\_người\_đại\_diện»/ *«Quốc\_tịch\_người\_đại\_diệnTiếng\_anh»*

Và một bên là: **«Tên\_nhân\_viên»**  
*And from other side:*

Ngày sinh/ *DOB:* «Ngày\_sinh»

Giới tính/ *Gender:* «Giới\_tính»/ *«Giới\_tínhTiếng\_anh»*

Nơi cư trú/ *Address:* «Địa\_chỉ\_thường\_trú»

Số CCCD/ *ID No.:* «Số\_CMND»

Ngày cấp/ *Date:* «Nơi\_cấp\_CMND»

Nơi cấp/ *Place:* Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:  
*Agree to sign this labor contract and engage to satisfy the following provisions:*

**ĐIỀU 1: THỜI HẠN VÀ CÔNG VIỆC HỢP ĐỒNG  
*TERM AND WORK OF LABOR CONTRACT***

* Hợp đồng lao động xác định thời hạn - 12 tháng  
  *Kind of labor contract: Determined term - 12 months*

Từ ngày/ *from:* **«Ngày\_bắt\_đầu\_HĐ»** Đến ngày/ *to:* **«Ngày\_kết\_thúc\_HĐ»**

* Địa điểm làm việc: «Địa\_điểm\_làm\_việc»
* *Work site: «Địa\_điểm\_làm\_việcTiếng\_anh»*
* Chức vụ: «Tên\_chức\_vụ»  
  *Position:* *«Tên\_chức\_vụTiếng\_anh»*
* Công việc phải làm: Công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bo mạch. *Job assignment: Jobs related to the production and business activities of PCB.*

### ĐIỀU 2: CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC/ *WORKING TIME*

* Thời giờ làm việc: 8 giờ/ ngày, 6 ngày/ tuần.  
  *Working time: 8 hours/ day, 6 days/ week.*
* Trường hợp đặc biệt: Áp dụng theo nội quy công ty.  
  *Special case: Follow the Company Rules & Regulations.*

### ĐIỀU 3: QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG *EMPLOYEE’S BENEFITS*

* Hình thức trả lương: Trả lương theo thời gian, với hình thức chuyển khoản.  
  *Form of salary payment:*  *Salary based on the time, in the form of bank transfer.*
* Tiền lương/ *Salary:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TỔNG LƯƠNG/ *GROSS SALARY* | **«Salary»** | đồng/ tháng/ *month* |
| Trong đó/ *In which of* |  |  |
| * Lương chức danh/ *Grade salary:* | **«M\_14»** | đồng/ tháng/ *month* |
| * Lương đánh giá/ *Performance:* | **«M\_14»** | đồng/ tháng/ *month* |
| * Trách nhiệm/ *Responsibility:* | **«M\_14»** | đồng/ tháng/ *month* |

* Ngày trả lương: ngày 20 và ngày 5 hàng tháng.  
  *Payday: 20th and 5th of each month*
* Các khoản phụ cấp khác: quy định trong thỏa ước lao động tập thể.  
  *Other allowances followed the CBA.*
* Tiền thưởng hàng năm: Theo quy chế thưởng của công ty.   
  Điều khoản này có thể thay đổi tùy tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.  
  *Annual bonus: As the company regulation on bonus.   
  This article may be adjusted based on company business situation.*
* Phương tiện đi lại làm việc: Công ty cung cấp xe đưa rước theo các tuyến quy định.  
  *Commuting: Company provides transportation with defined routes.*
* Chế độ nghỉ ngơi (phép năm, lễ, tết…) theo quy định của Bộ luật lao động.  
  *Paid holidays (publish holidays, etc.) will be followed the Labor Code.*
* Công ty cung cấp đồng phục và bữa ăn giữa ca miễn phí.  
  *Company provides uniform and shift meal for free.*
* Với một số nhân viên quy định, công ty chi trả chi phí sử dụng điện thoại di động.  
  *Company provides mobile phone fee for some defined employees.*
* Công ty chi trả chi phí khám sức khỏe định kỳ hàng năm.  
  *Annual health check will be paid by the company.*
* Chế độ nâng bậc, nâng lương, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề tuân theo quy định nội bộ của công ty.  
  *The policies on salary increments, promotions, training, and skill enhancement shall comply with the company's internal regulations.*
* Tùy theo yêu cầu công việc thực tế, nhân viên được trang bị bảo hộ lao động cần thiết như: áo bảo hộ lao động, áo tĩnh điện, nón an toàn, giày tĩnh điện, bao tay, nút chống ồn, khẩu trang, kiếng chống hóa chất, mặt nạ chống hóa chất…  
  *Company provides PPE as required by actual work, such as safety coat, anti-static coat, safety helmet, anti-static shoes, gloves, mask, anti-chemical glasses, ect.*
* Trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.  
  *Social Insurance, Health Insurance & Unemployment Insurance in accordance with laws on labor, social insurance, health insurance and unemployment insurance.*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | BHXH *social* | BHYT *health* | BHTN *unemployment* | Công đoàn *labor union* | TỔNG CỘNG *TOTAL* |
| Công ty/ *company* | 17,5% | 3% | 1% | 2% | **23,5%** |
| Nhân viên/ *employee* | 8% | 1,5% | 1% | - | **10,5%** |

### ĐIỀU 4: NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG *EMPLOYEE’S OBLIGATIONS*

* Nhân viên có nghĩa vụ hoàn thành những công việc đã được phân công.  
  *The employee have responsibility to fulfill the job assignment.*
* Chấp hành lệnh điều hành sản xuất, chấp hành nội quy công ty, chấp hành các quy định về an toàn lao động... của công ty.  
  *Abide by company orders relating to production or business, company rules & regulations, company working safety regulations, etc.*
* Nếu người lao động có những vi phạm gây thiệt hại đến tài sản của công ty thì bên cạnh việc bị xử lý kỷ luật, người lao động còn phải bồi hoàn vật chất cho công ty theo quy định tại nội quy lao động của công ty và pháp luật hiện hành.  
  *If the employee having violations damaging company properties, besides getting discipline measure, the employee have to pay compensation to company in accordance with the company's internal labor regulations* *and applicable laws.*

**ĐIỀU 5: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG  
*EMPLOYER’S OBLIGATIONS AND RIGHTS***

* Nghĩa vụ/ *Obligation*:
* Bảo đảm thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.  
  *To assure in conformity with the signed labor contract.*
* Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động đã ký.  
  *To pay all remuneration and benefits as committed in the signed labor contract.*
* Quyền hạn/ *Rights*:
* Điều hành người lao động, bao gồm việc bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...  
  *Manage the employee to work, including job assigment, transfer, etc.*
* Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo các quy định của pháp luật và nội quy công ty.  
  *Temporarily suspend, terminate the labor contract, apply discipline measures based on Labor Code and Company Rules & Regulations.*

**ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH  
*IMPLEMENTING PROVISION***

* Những vấn đề khác về quan hệ lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng theo các quy định của pháp luật lao động.  
  *Other issues relating to labor relationship, which were not mentioned in this labor contract, will be followed the Labor Code.*
* Hợp đồng lao động này được làm thành 2 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 1 bản.  *This labor contract will be made in 2 copies and kept by employee and company.*

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày «Ngày\_ký\_HĐ».  
*The labor contract is effective from «Ngày\_ký\_HĐ».*

NGƯỜI LAO ĐỘNG NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

*THE EMPLOYEE* *THE EMPLOYER*

«Tên\_nhân\_viên» «Tên\_người\_đại\_diện»

«Chức\_vụ\_người\_đại\_diện»

*«Chức\_vụ\_người\_đại\_diện\_tiếng\_anh»*